

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HS-ST
Ngày 16 -3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Tuyết và bà Nguyễn Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phan Mạnh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST-ST ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phan Minh Đ; sinh ngày 10 tháng 3 năm 1977 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Xuân H và bà Trần Thị X; vợ: Nguyễn Thị H và 01 con; tiền sự: không; tiền án: không; nhân thân: Năm 1996 bị Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cướp giật tài sản”; Năm 2007, bị Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Ngày 30/7/2015 chấp hành xong hình phạt trở về sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội mới; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2020 cho đến ngày 22/01/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. *Có mặt.*

2. Dương Thanh H; sinh ngày 17 tháng 3 năm 1990 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Viết H và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2020 cho đến ngày 27/11/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. *Có mặt.*

3. Phan Việt H1; sinh ngày 11 tháng 7 năm 1998 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn 6 T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Hường và bà Lê Thị Lài; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2020 cho đến ngày 30/11/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. *Có mặt.*

- *Bị hại:* Anh Dương Anh T, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Đặng Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

- *Người làm chứng:* Anh Lê Thanh Q, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 23h00' ngày 22/10/2020 Dương Thanh H và Lê Thanh Q rủ nhau đến nhà Phan Minh Đ để chơi. Khi H và Q đến thì gặp Đ và Phan Văn L, Phan Minh T, Phan Việt H1 đang ngồi chơi tại tầng hai. Trong lúc ngồi nói chuyện, Đ hỏi H “Bây có biết thằng T trên xóm H không?”, Hà trả lời “Biết” và đưa ảnh facebook của T cho Đ xem và xác nhận người trong ảnh chính là T. Đức nói “Thằng T có mượn của anh 10.000.000 đồng hơn hai tháng rồi chưa trả”, Đ nói với H thử điện T xem có nghe máy không. H gọi điện thoại cho T qua ứng dụng messenger facebook để hỏi nhờ T xem có mua được ma túy ở đâu không với mục đích chính là kiểm tra T có nghe máy không. Khoảng 23h45' cùng ngày, H gọi cho T nói “Mi coi lấy được ở mô, chờ anh có năm xì đây rồi”, T trả lời “Lấy được” và hẹn gặp H tại Cổng C thuộc xã H để lấy tiền. Sau khi H điện thoại hẹn gặp được T, Đ đưa cho H 500.000 đồng để dự phòng lúc T hỏi tiền. Đ nói với H dùng xe mô tô chở theo H đi trước, còn Đ hẹn Dương Thanh Q đi cùng và chạy xe ô tô BKS 73A-164.33 đi sau để bắt giữ Dương Anh T. Đến khoảng 00h40' sáng ngày 23/10/2020 H và H đến cầu S thì cả hai dừng xe phía đầu cầu, T thấy xe mô tô đến thì gọi điện thoại cho H và hỏi “Ai đứng với anh trên mà hai người đó”, H trả lời “Thằng bạn của anh, đi với anh từ trong Nông Trường ra”, sau đó T đi bộ lại gần vị trí H và H đứng. T vừa bước đến thì H lao đến túm cổ áo không chế, lúc này Đức cũng vừa điều khiển xe ô tô đến, rồi nói “Đưa hán lên xe” và cùng H không chế T đưa lên xe chở về nhà ở của Đ, còn H điều khiển xe mô tô theo sau. Về đến nhà, Đ cầm theo một cây gậy sắt có trên xe cùng với H đưa T lên phòng ngủ tầng hai, rồi đóng cửa lại yêu cầu T nằm xuống sàn nhà và dùng gậy sắt đánh một cái vào bắp đùi chân trái, dùng tay, chân và dây thắt lưng đánh vào người T. Đ nói “Mày hứa với tao mấy lần rồi, giờ mày tính như thế nào, giờ mày làm gì có tiền trả tao”, Tú nói lại “Anh cho em thư thư, từ từ em trả cho anh”. Đức lấy số điện thoại mẹ của T gọi cho bà Đặng Thị T để nói bà T cầm tiền trả cho T. Bà T bắt máy thì T nói “Mẹ”, Đ lấy máy “Alo”, nhưng do điện thoại hết tiền nên máy tự tắt. Đ tiếp tục bấm gọi thêm hai cuộc cho bà T nhưng không được. Sau đó, Đ lấy giấy bút ra nói với T “Mày viết giấy cho tao, giấy mượn tiền, nếu không có tiền trả thì viết giấy xin làm thêm cho tao, ngày tao trả cho mày 250.000 đồng

việc nhẹ, mảy suy nghĩ đi” nhưng T không viết. Đến khoảng 04h30’ ngày 23/10/2020, lợi dụng lúc Đ đi xuống tầng dưới, H và Q đã ra về, T mở cửa bỏ chạy về nhà và trình báo Công an. Do vết thương không đáng kể nên Dương Anh T từ chối giám định thương tích (BL số: 79-82; 85-102; 116-123; 132-136; 138-146; 160-164; 173-180; 187-190; 193-196; 202-233). Quá trình điều trị thương tích, bà Đặng Thị T mẹ của T đã tự bỏ 1.500.000 đồng để mua thuốc và các bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ, nên bà T không yêu cầu gì thêm. (Bút lục số: 98, 99). Sau khi trốn khỏi nhà Đ, T đã đến Cơ quan Công an khai báo hành vi bắt giữ người trái pháp luật của các bị cáo, nhưng sau đó đã rời khỏi nơi cư trú, hiện tại T đi đâu không rõ.

Cáo trạng số: 12/CT-VKSBT ngày 08/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình truy tố các bị cáo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với 03 bị cáo; riêng các bị cáo Hà và Hùng đề nghị áp dụng thêm Điều 36 và điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tuyên xử:

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Minh Đ mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.
- + Xử phạt bị cáo Dương Thanh H mức án tù 15 tháng cải tạo không giam giữ, đến 18 tháng cải tạo không giam giữ
- + Xử phạt bị cáo Phan Việt H mức án tù 15 tháng cải tạo không giam giữ, đến 18 tháng cải tạo không giam giữ
- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét
- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung tiêu hủy 01 búa đinh và 01 dây thắt lưng da.
- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như bản cáo trạng đã truy tố nên không tranh luận gì, đồng thời các bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình đã gây ra là vi phạm pháp luật, nên rất ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét để được hưởng chính sách khoan hồng của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị hại anh Dương Anh T đã đến trình báo cơ quan Công an đề tố giác hành vi phạm tội của các bị cáo và tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Cơ quan điều tra để làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, trong thời gian điều tra anh T đã đi khỏi địa phương mà không khai báo gì. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã nhiều lần tiến hành triệu tập và xác minh nhưng vẫn không rõ hiện tại anh T đang ở đâu. Tại phiên tòa hôm nay anh T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan là bà Đặng Thị T (mẹ đẻ anh T) và người làm chứng cũng vắng mặt tại không có lý do. Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo, phần bồi thường dân sự các bên đã tự nguyện thỏa thuận và không có khiếu nại gì. Vì vậy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, cho nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội, tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn đồng nhất với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng về không gian, địa điểm mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do bức tức trong việc anh T mượn tiền mà cố tình trốn tránh không chịu trả, cho nên Đ đã nhờ H và H1 tìm gặp Tú để đòi lại tiền thì H1 và Hà đồng ý. Vì vậy, khoảng 00 giờ 40 phút, ngày 23/10/2020, Phan Minh Đ, Dương Thành H, Phan Việt H đã có hành vi khống chế, bắt giữ anh Dương Anh T từ khu vực Cổng C thuộc xã H, huyện B và đưa về nhốt tại phòng ngủ tầng hai của Đ. Tại đây, Đ đã dùng gậy, dây thắt lưng và tay chân đánh đập để buộc T phải gọi điện cho người thân đưa tiền trả nợ cho mình hoặc tự nguyện làm việc để trả nợ. Lợi dụng sự sơ hở của Đ, anh T đã bỏ trốn khỏi nhà và đi đến cơ quan chức năng trình báo hành vi phạm tội của các bị cáo.

Với hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện nêu trên đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do của công dân và bị pháp luật hình sự nghiêm cấm, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm “Bắt giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung 2017*). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bô Trạch và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị truy tố và xét xử các bị cáo theo điều luật và tội danh như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này có 03 bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hành vi các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ lẫn nhau, cho nên hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có tổ chức.

[3] Về nhân thân, vai trò và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Về nhân thân và vai trò: Các bị cáo đều là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và am hiểu đời sống xã hội nhất định. Bị cáo H và H có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Bị cáo Đ có nhân thân xấu do bị 03 lần kết án, đáng lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học cho bản thân nhưng chỉ vì bức tức trong việc bị hại nợ tiền không trả mà đã rủ rê các bị cáo khác cùng phạm tội. Trong vụ án này, Đ là người chủ mưu cầm đầu, có vai trò chính yếu; H và H là người giúp sức cho bị cáo Đ trong việc bắt giữ người trái pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, 03 bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ rõ sự ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại theo thỏa thuận, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo H và H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào nhân thân, vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo.

Tuy nhiên, xét về ý thức chủ quan và động cơ phạm tội của bị cáo Đ trong vụ án này được xuất phát từ nguyên nhân anh T mắc nợ tiền của bị cáo, nhưng cố tình trốn tránh không chịu trả nên gây bức xúc cho bị cáo. Do đó, trong lúc nóng giận, không kiềm chế được cảm xúc của bản thân, Đ mới có hành vi bắt giữ T nhằm mục đích buộc Tú phải trả tiền cho mình hoặc làm cho mình để trả nợ. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo Đ và các đồng phạm đã thực hiện không phải vô cớ mà có một phần lỗi của bị hại, cho nên trong khi lượng hình cũng cần được xem xét để quyết định áp dụng mức hình phạt phù hợp.

Đối với bị cáo H và H1 đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, chỉ vì nể nang mà nhất thời phạm tội, không có tư thù cá nhân cũng như không vì mục đích vụ lợi. Do đó, xét thấy chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo H và H1 ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương cùng phối hợp với gia đình quản lý, giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đã có đủ tác dụng giáo dục răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về khâu trừ một phần thu nhập: Xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập hàng tháng không ổn định cho nên Hội đồng xét xử quyết định miễn việc khấu trừ thu nhập đối với H và H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ Luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã chứng minh, làm rõ việc các bị cáo sử dụng 01 xe ô tô Biển kiểm sát 73A-164.33 và

01 xe mô tô Biển kiểm sát 73 E1-13567 để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội nhưng các chủ sở hữu hợp pháp không hay biết. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại tài sản cho các chủ sở hữu theo đúng trình tự pháp luật quy định, nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

Đối với 01 búa đinh hình trụ tròn bằng kim loại và 01 dây thắt lưng da màu đen, đầu dây làm bằng kim loại là các công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Tại thời điểm các bị cáo bắt giữ T, Lê Thanh Q đang ngồi trên xe ô tô của Đ, nhưng Q không tham gia bàn bạc và không biết việc Đ và đồng phạm đi bắt giữ T, cho nên không cấu thành đồng phạm. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xét nghiệm ma túy đối với Đ, H, Q và đều có kết quả dương tính với ma túy, nên đã chuyển các tài liệu có liên quan đến Công an huyện Bồ Trạch xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với 03 bị cáo. (*Riêng bị cáo H và H1 được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự*); điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Minh Đ, Dương Thanh H, Phan Việt H phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt: Phan Minh Đ 06 tháng tù, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2020 đến ngày 22/01/2021. Thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại tính từ hành thi hành án.

- Xử phạt: Dương Thanh H 15 tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ đi 34 ngày bị tạm giữ, tạm giam (*từ ngày 25/10/2020 đến ngày 27/11/2020, được quy đổi thành 102 ngày cải tạo không giam giữ*). Như vậy, thời gian chấp hành hình phạt còn lại đối với bị cáo là 11 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Dương Thanh H tính từ ngày UBND xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Dương Thanh H cho UBND xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam

giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt: Phan Việt H 15 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 37 ngày bị tạm giữ, tạm giam (*từ ngày 25/10/2020 đến ngày 30/11/2020, được quy đổi thành 111 ngày cải tạo không giam giữ*). Như vậy, thời gian chấp hành hình phạt còn lại đối với bị cáo là 11 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phan Việt H tính từ ngày UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Phan Việt H cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 búa đinh và 01 dây thắt lưng. Các vật chứng nêu trên, có số lượng đặc điểm được mô tả chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 09/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Phan Minh Đ, Dương Thanh H, Phan Việt H mỗi bị cáo phải chịu nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Phòng PV 06 CA tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- CA huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Hòa Trạch, huyện Bố Trạch;
- UBND xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch;
- Các bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu: HSVA, VP, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trung Thành